

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HS-ST

Ngày: 15-3-2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Hà Nam

*Các hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Văn Thọ

Ông Vũ Khắc Duẩn

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thúy Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2018/TLST-HS ngày 08/02/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-HS ngày 01/3/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên : **Cao Thị L**, sinh năm 1950; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Thôn M, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 7/10; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Cao Văn N, sinh năm 1933; trú tại: Phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa, con bà: H (không rõ cụ thể họ tên, năm sinh và nơi cư trú); mẹ nuôi dưỡng: Nguyễn Thị G, sinh năm 1938; trú tại: Phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; gia đình có 08 chị em, bị cáo là con thứ nhất; chồng là: Quách Tiến T, sinh năm 1952; trú tại: Thôn M, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định, bị cáo có 05 con, con lớn sinh năm 1980, con nhỏ sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Cao Thị L đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

Nguyên đơn dân sự: **Sở Lao động & Thương binh xã hội tỉnh Nam Định** (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Căn cứ công văn số 121/SLĐTBXH-NCC ngày 09/02/2017 của Sở lao động TB&XH tỉnh Nam Định kiến nghị về việc điều tra, xử lý các trường hợp sử dụng giấy tờ không đúng để lập hồ sơ hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng đề nghị giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, Cơ quan ANĐT đã quyết định khởi tố vụ án hình sự số 04/ANĐT ngày 19/4/2017 và số 06/ANĐT ngày 21/7/2017 về tội Làm giả tài liệu của Cơ quan, tổ chức quy định tại điều 267 BLHS. Vụ án đã xét xử, có hiệu lực pháp luật, trong đó có hành vi vi phạm của bà Cao Thị L, sinh năm 1950, quê quán phường T, thị xã S, tỉnh Thanh Hóa có dấu hiệu của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản song không L quan đến nội dung những vụ án đã khởi tố nên Cơ quan ANĐT đã tách ra để điều tra xử lý độc lập.

Quá trình điều tra, Cao Thị L khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Bản thân bà L sinh năm 1954, tại Thái Nguyên, là con riêng của ông N với bà H; Tuy nhiên lý lịch ghi tên mẹ là Nguyễn Thị G (bà G là vợ ông N), vì năm 1960 bà L theo ông N về Sầm Sơn sinh sống và coi bà G như mẹ đẻ.

Tháng 2/1972 tham gia thanh niên xung phong làm nhiệm vụ vác đạn lên tàu phục vụ chiến đấu ở khu vực cầu Hàm Rồng- Thanh Hóa. Tháng 10/1972 đến năm 1975 tham gia dân quân tại Sầm Sơn. Đầu năm 1976 đi bộ đội huấn luyện ở huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, sau đó được biên chế vào đơn vị D13E80 Quân khu 4 đóng quân tại Thừa Thiên Huế. Cuối năm 1979 xuất ngũ về thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Năm 2000, ở địa phương xã Yên Tân có đợt làm chế độ người có công với cách mạng, thời điểm đó bà L và ông Quách Tiến Th (là chồng bà L) đi đóng gạch thuê cho nhà ông Trịnh Đình L1 ở thôn M, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định ( ông L1 có anh em họ hàng với nhà chồng bà L). Bà L được ông L1 gợi ý làm cho bà chế độ thanh niên xung phong, nhưng khi hỏi về quá trình tham gia TNXP của bà L thì thấy không rõ ràng; Tiếp đó ông L1 hỏi bà L về quá trình tham gia quân đội, gợi ý làm chế độ da cam, bà L cung cấp phiên hiệu đơn vị từng tham gia, còn các thủ tục như thế nào thì đều do ông L1 làm giúp và nộp lên UBND xã Yên Tân. Một thời gian sau, ông L1 có xuống nhà bà L thông báo là hồ sơ đã nộp lên UBND xã Yên Tân và có đưa cho bà L một bản gốc Quyết định phục viên của Trung đoàn 80 quân khu 4 và bảo bà L giữ sau này có yêu cầu gì thì cung cấp (Quyết định phục viên số 26/QĐ ngày 26/11/1978). Quá trình nhờ làm giúp tài liệu và nộp hồ sơ tại UBND xã Yên Tân, bà L không phải chi phí gì cho ông L1. Khoảng năm 2007, có đợt xét duyệt tiếp, bà L đến UBND xã Yên Tân xin tờ khai mới về để khai lại (lúc này ông L1 đã chết năm 2004). Bà L sử dụng Quyết định phục viên do ông L1 đưa để sao y chứng thực và kèm theo các tài liệu khác đưa vào hồ sơ xin hưởng chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học. Đối với bản khai cá nhân, bản thân bà L biết nội dung trước kia ông L1 kê khai cho bà L là không đúng với quá trình tham gia quân đội nhưng vì hoàn

cảnh gia đình khó khăn, mong muốn được hưởng chế độ có kinh tế cho gia đình nên bà L vẫn quyết định nhờ chồng chép y nguyên nội dung trong bản kê khai cá nhân cũ sang bản kê khai cá nhân mới rồi tiếp tục nộp lên UBND xã Yên Tân để xét duyệt (lý do phải nhờ ông Th chép bản kê khai cá nhân là do bản thân bà L đang bị bệnh thấp khớp, biến chứng tay run không viết được). Đến tháng 5 năm 2009 bà L có quyết định được hưởng chế độ da cam. (Bà L hưởng chế độ từ ngày 01/5/2009 đến hết tháng 10/2017) ( BL 87-93).

Ngày 15/9/2017 Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Nam Định đã tiến hành thu giữ của bà Cao Thị L 01 bản gốc Quyết định phục viên số 26/QĐ ngày 26/11/1978 do Thủ trưởng Trung đoàn 80 Quân khu 4 cấp. Để có căn cứ xác định Quyết định phục viên của bà Cao Thị L là thật hay giả, Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Nam Định đã trưng cầu giám định Phòng Giám định kỹ thuật hình sự - Cục điều tra hình sự Bộ quốc Phòng yêu cầu giám định nghi vấn tẩy xóa nội dung cũ, viết lại nội dung mới, phương pháp hình thành bản phôi, chữ ký và hình dấu ( BL 45- 47)

Ngày 04/10/2017 Phòng Giám định kỹ thuật hình sự - Cục điều tra hình sự Bộ quốc Phòng có thông báo Kết luận giám định số 207/GĐKTHS-P11 cho thấy ( BL 48):

- + Trên tài liệu còn tồn tại chữ viết nguyên thủy thể hiện là quyết định xuất ngũ, không phải là quyết định phục viên và có các nội dung thông tin khác với nội dung hiện tại.

- + Tại mục “đồng chí” ghi “Cao Thị L” còn tồn tại chữ viết nguyên thủy có nội dung là “Đỗ Văn Q”.

Ngày 29/9/2017 Cơ quan ANĐT có công văn số 637/ANĐT gửi Bộ tham mưu Quân khu 4 đề nghị xác minh xem đơn vị có cấp quyết định phục viên số 26/QĐ ngày 26/11/1978 cho bà L hay không? Và cung cấp các tài liệu L quan, chứng minh quá trình công tác trong quân đội.

Tại công văn số 1956/BTM-PQL ngày 25/10/2017 của Bộ tham mưu Quân khu 4 trả lời:

- + Năm 1978 không có tên Cao Thị L xuất ngũ, phục viên

- + Năm 1979 có tên Cao Thị L trong sổ đăng ký thống kê quân nhân xuất ngũ, phục viên.

Sở lao động- TBXH tỉnh Nam Định cung cấp: Tổng số tiền bà Cao Thị L được hưởng từ ngày 01/5/2009 đến 31/12/2017 là 192.534.800 đồng. Tháng 10/2017 bà L có đơn xin thôi hưởng chế độ trợ cấp ưu đãi. Ngày 11/12/2017 Sở LĐ-TB&XH tỉnh Nam Định ra quyết định đình chỉ thực hiện chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đối với bà Cao Thị L. Như vậy, tổng số tiền bà L đã chiếm hưởng là 187.490.800đồng (BL 42)

Ngày 08/01/2017 bà Cao Thị L đã nộp tại Phòng Lao động thương binh và xã hội huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định khắc phục hậu quả thiệt hại số tiền 67.926.800 đồng. Số tiền còn lại xin được khắc phục trả dần (BL 41)

Tại bản Cáo trạng số 12/QĐ-KSĐT-P1 ngày 06/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo Cao Thị L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bị cáo Cao Thị L đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa đã luận tội đối với bị cáo sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã đề nghị HĐXX áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; Điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 BLHS; Xử phạt bị cáo Cao Thị L từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả lại cho Sở Lao động thương binh xã hội tỉnh Nam Định số tiền 187.190.800 đồng, để nộp lại ngân sách Nhà nước theo quy định, được đối trừ đi số tiền 67.926.800 đồng mà bị cáo đã tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Cao Thị L mặc dù biết rõ bản thân không đủ điều kiện được hưởng chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học nhưng đã có hành vi kê khai sai quá trình tham gia quân đội không đúng sự thật, sử dụng Quyết định phục viên giả và kèm theo các tài liệu khác đưa vào hồ sơ xin hưởng chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học. Thời gian hưởng chế độ trợ cấp từ tháng 5/2009 đến tháng 10/2017. Tổng số tiền bị cáo đã chiếm hưởng trái phép của Nhà nước là 187.190.800đ. Như vậy hành vi phạm tội của bị cáo đã có đủ các yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 BLHS.

Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của nhà nước, đồng thời tác động xấu đến tình hình trật tự trị an và an toàn xã hội, bản thân bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự cũng như khả năng nhận thức về những điều cấm của pháp luật trong việc

bảo vệ quyền sở hữu về tài sản. Vì vậy cần phải xử phạt nghiêm minh đối với bị cáo.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Cao Thị L khai báo thành khẩn, sau khi hành vi phạm tội bị phát giác bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền 67.926.800 đồng khắc phục hậu quả thiệt hại. Vì vậy cần xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, p khoản 1 Điều 46 BLHS. Ngoài ra bản thân bị cáo có thời gian tham gia cách mạng phục vụ công cuộc chống Mỹ cứu nước, bản thân bị bệnh thấp khớp biến chứng tim, tay chân bị run không lao động được, hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn. Vì vậy cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS.

Về tình tiết, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Xét thấy trong vụ án này số tiền 187.190.800 đồng mà bị cáo L lừa đảo chiếm đoạt là khoản trợ cấp của Nhà nước đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, do vậy khoản tiền trên được xác định là tài sản của Nhà nước, lẽ ra bị cáo L phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Xâm phạm tài sản của Nhà nước” được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999; Tuy nhiên theo quy định của BLHS năm 2015 cụ thể tại Điều 52 đã bỏ tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự này; Vì vậy cần áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015, HĐXX xét thấy bị cáo L không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Xâm phạm tài sản của Nhà nước” được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999.

[4] Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. HĐXX xét thấy cần áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139 BLHS để xử phạt đối với bị cáo. Xét thấy bị cáo L là người có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS, do đó cần áp dụng Điều 47 BLHS cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, nhưng phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để cải tạo giáo dục đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả lại cho Sở Lao động thương binh xã hội tỉnh Nam Định số tiền 187.190.800 đồng, để nộp lại ngân sách Nhà nước theo quy định, được trừ đi số tiền 67.926.800 đồng mà bị cáo đã tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả. Số tiền bị cáo còn phải nộp là 119.264.000 đồng.

[6] Về án phí: Bị cáo Cao Thị L phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Cao Thị L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Cao Thị L 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999.

Buộc bị cáo phải trả lại cho Sở Lao động thương binh xã hội tỉnh Nam Định số tiền 187.190.800 đồng, để nộp lại ngân sách Nhà nước, được đối trừ đi số tiền 67.926.800 đồng mà bị cáo đã tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả. Số tiền bị cáo còn phải nộp là 119.264.000đ (một trăm mười chín triệu hai trăm sáu mươi tư nghìn đồng).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 98, Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Cao Thị L phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 5.963.000đ (năm triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo đã báo quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND.CC và VKSND.CC;
- VKSND và CA tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Trại tạm giam - CA tỉnh Nam Định;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Đã ký**

**Vũ Hà Nam**